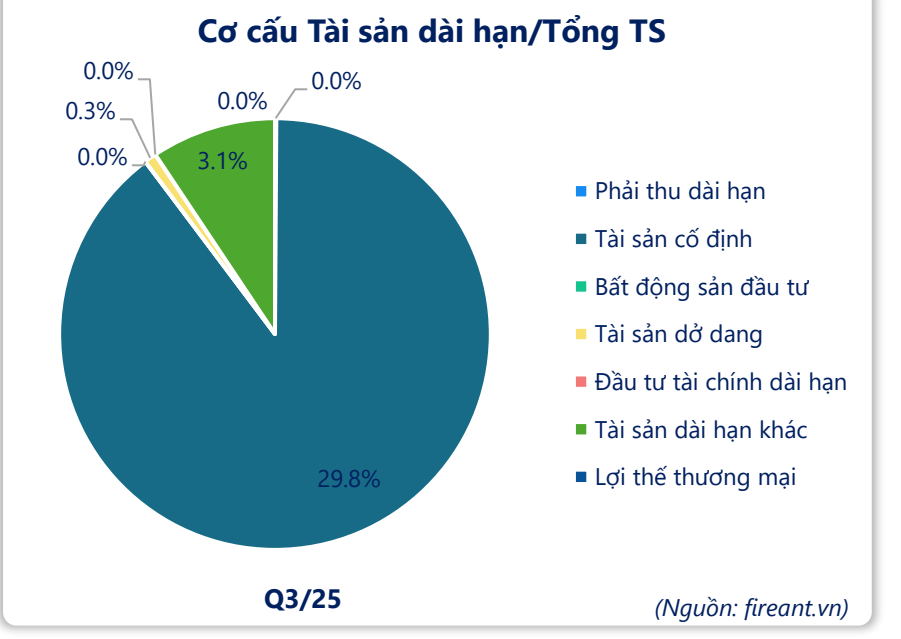
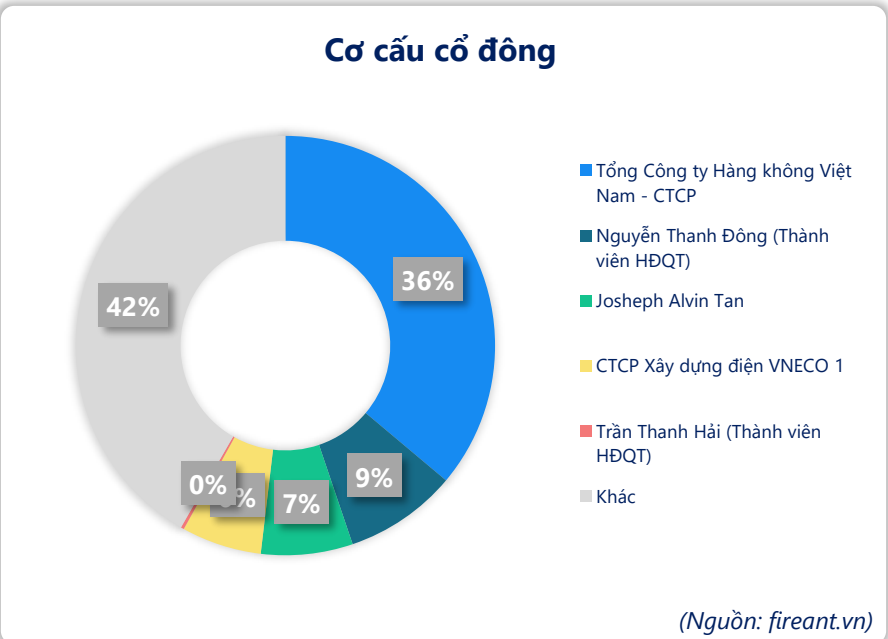
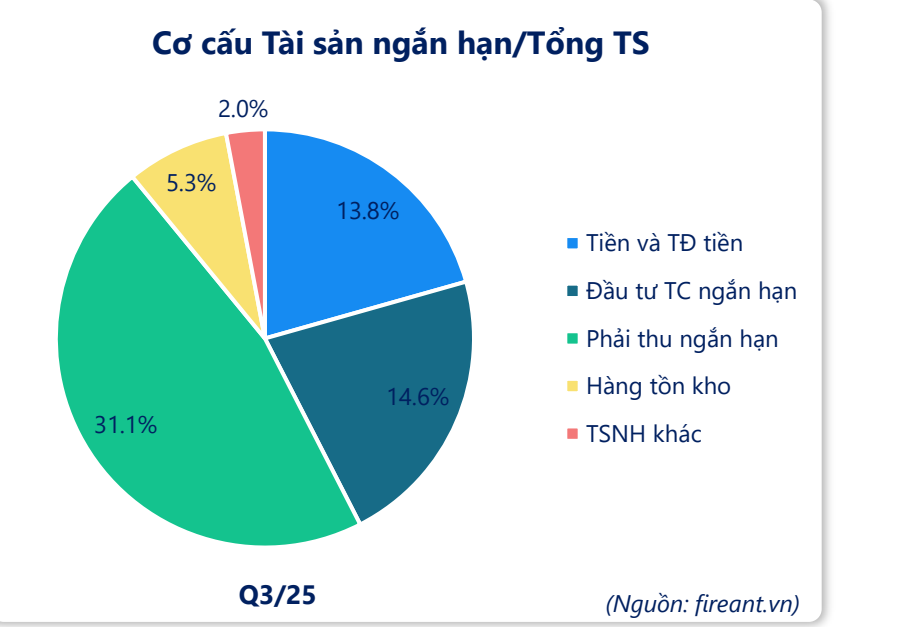
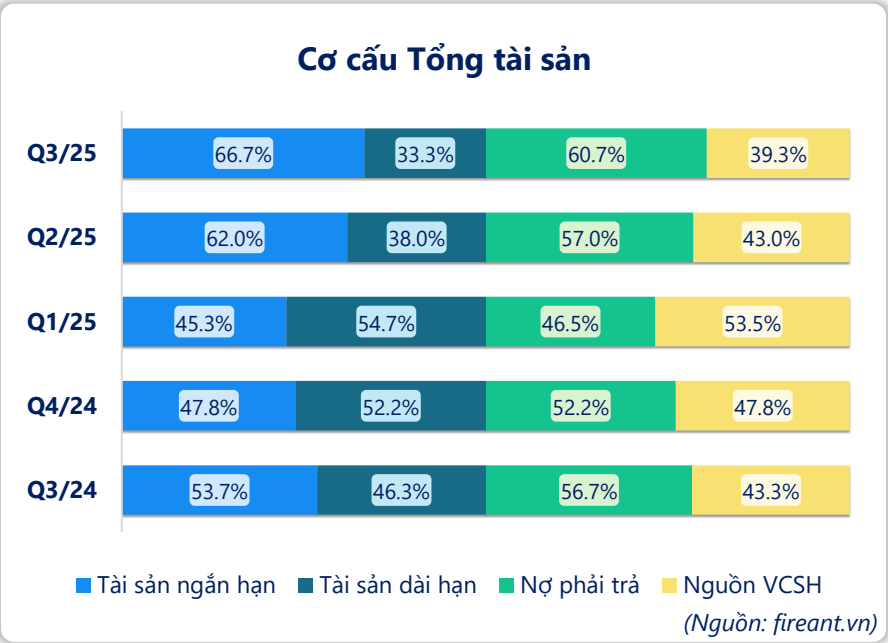
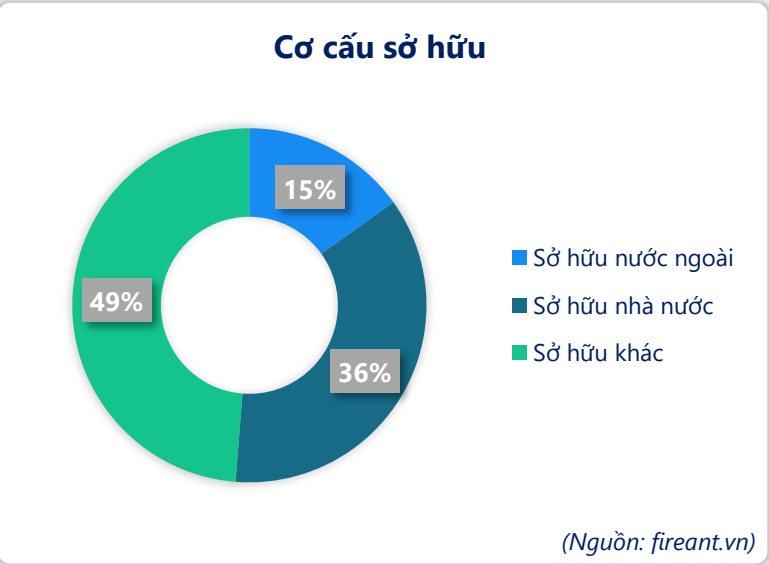
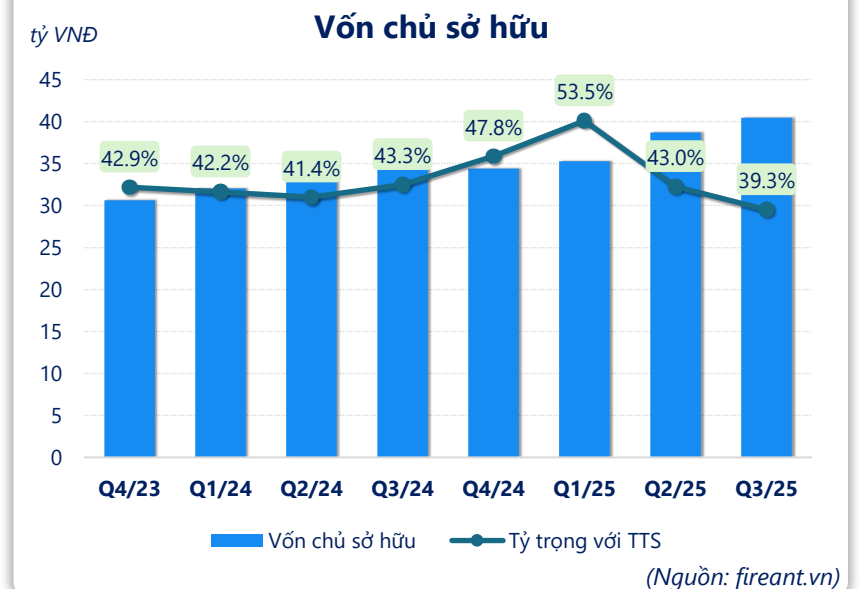
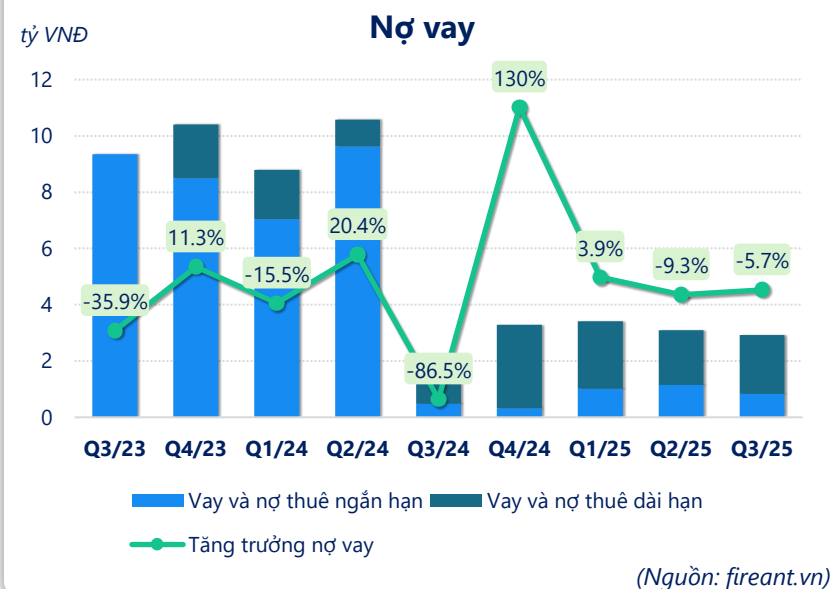
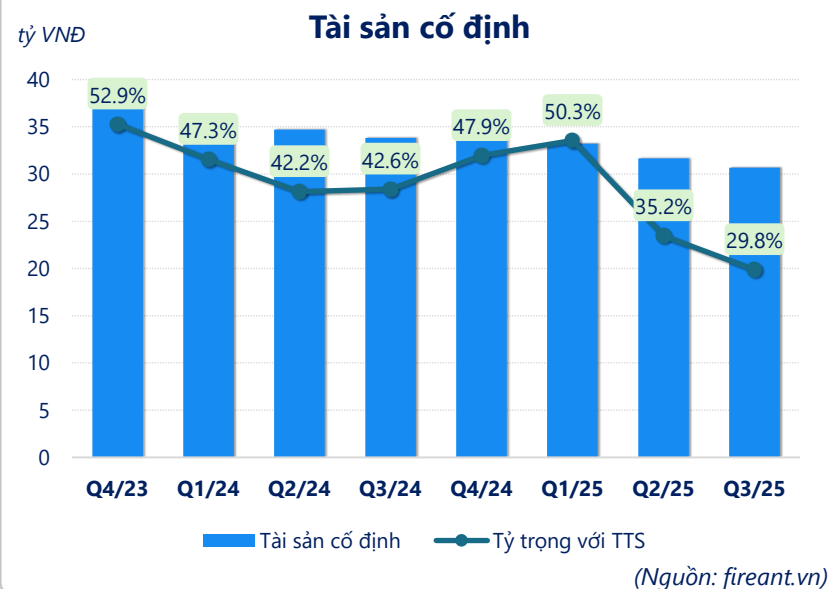
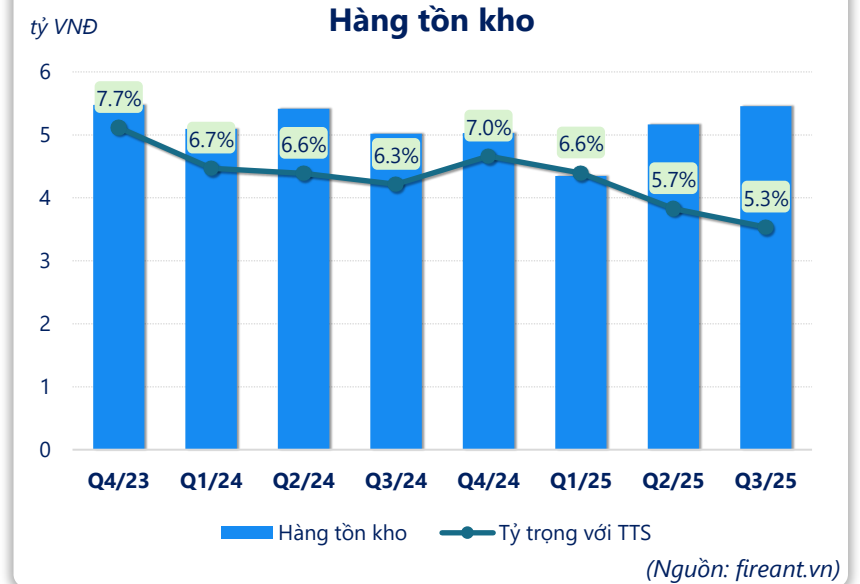
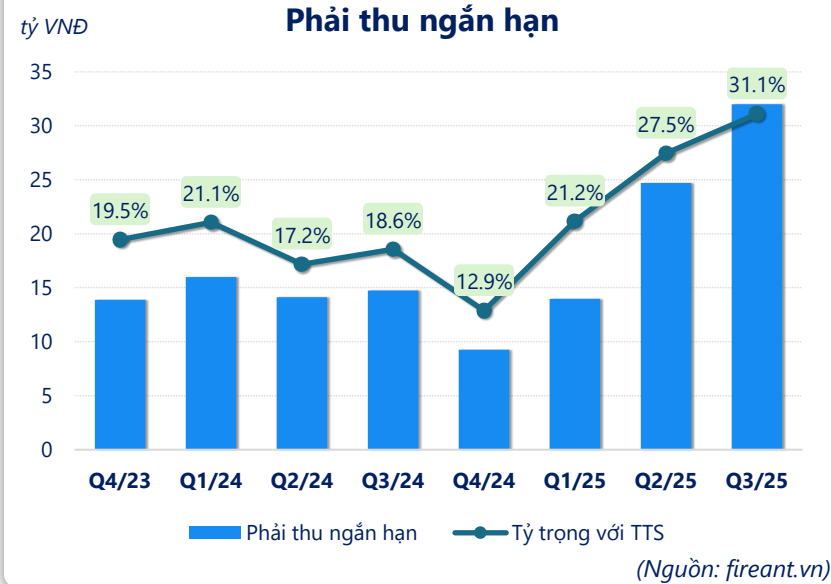
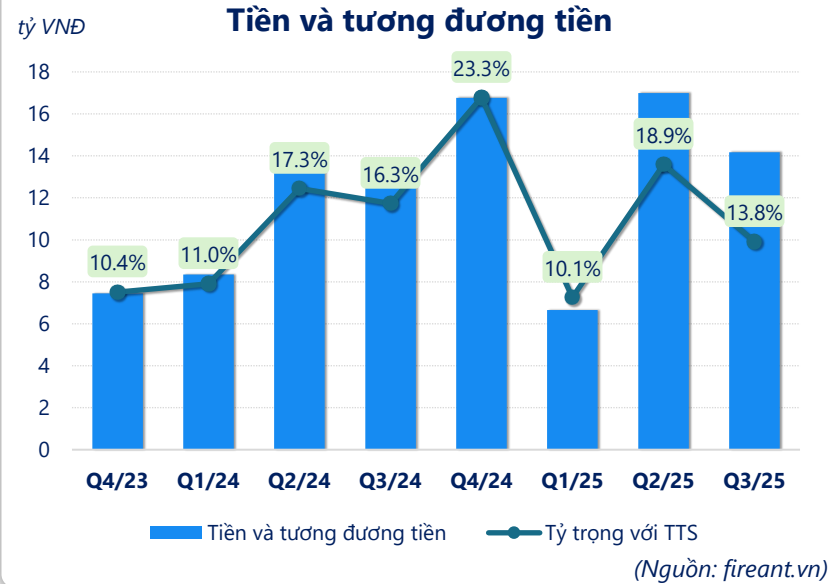
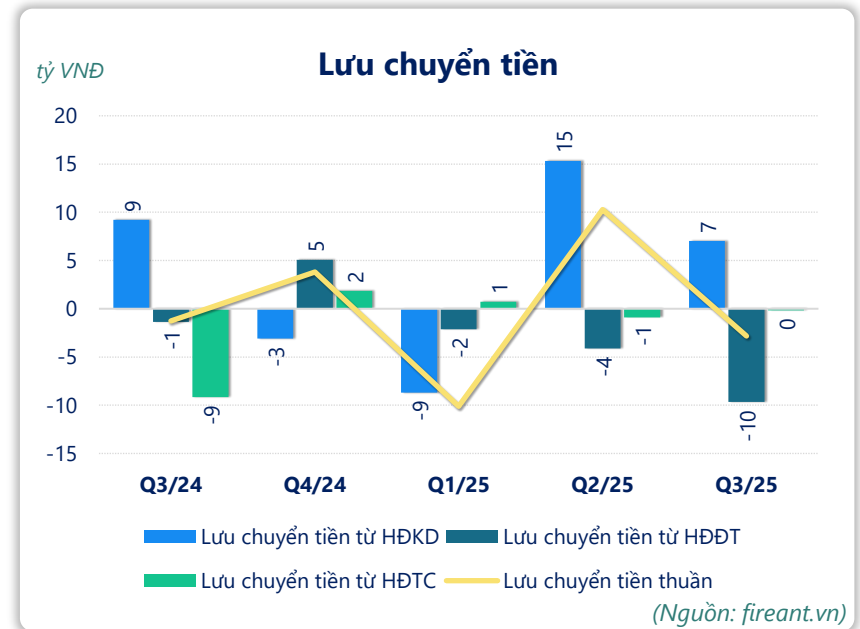
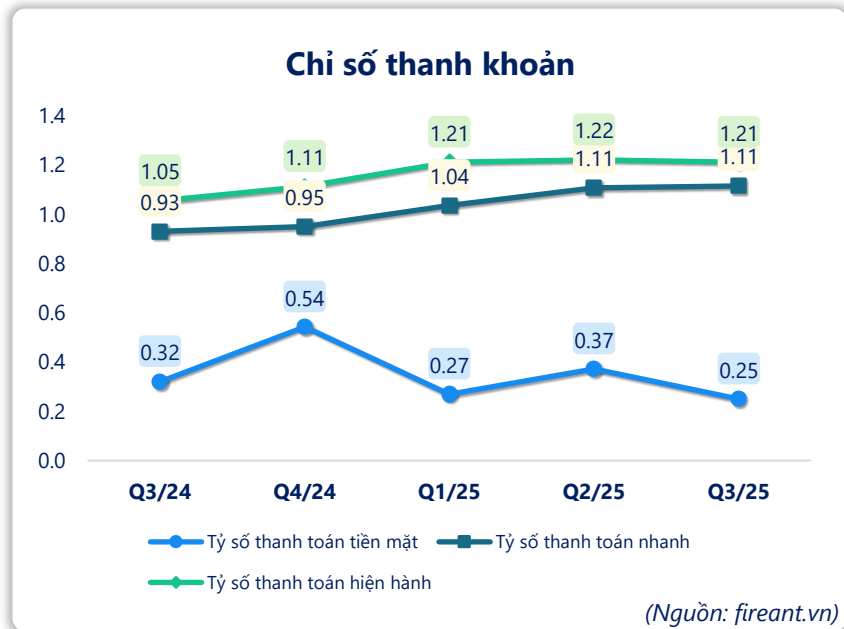
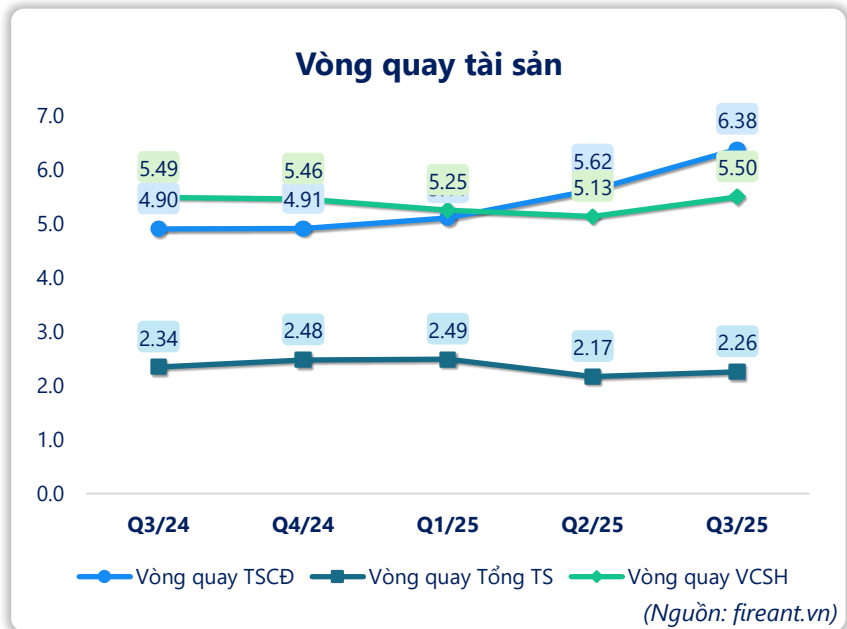
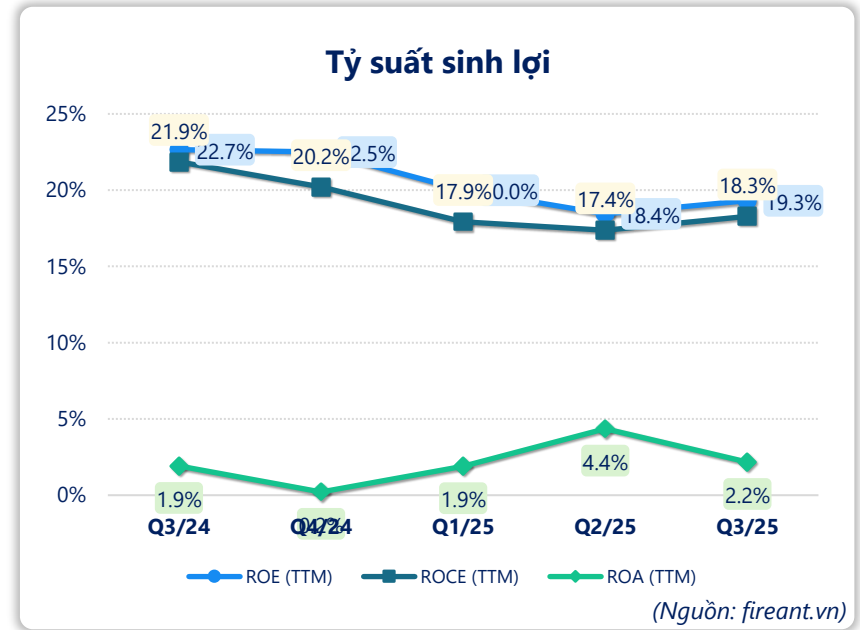
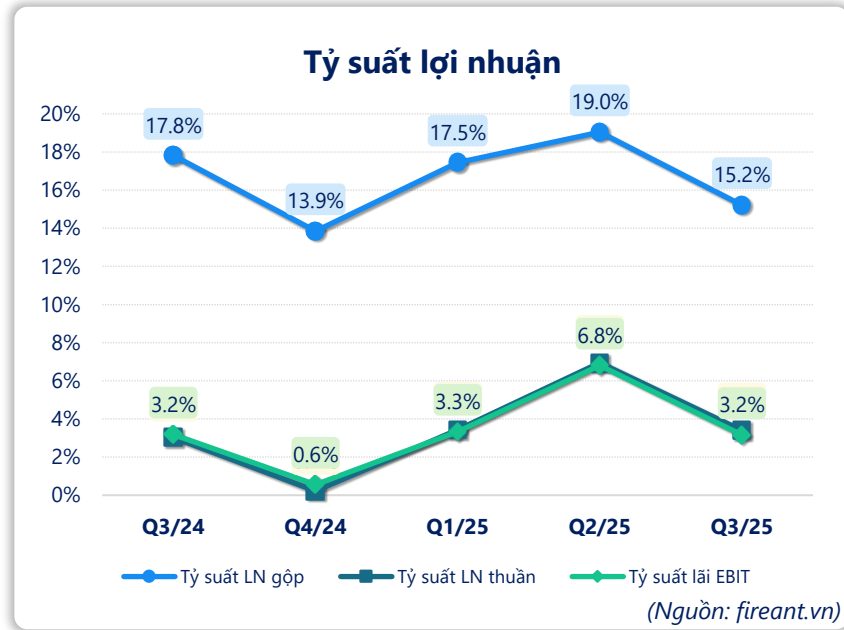
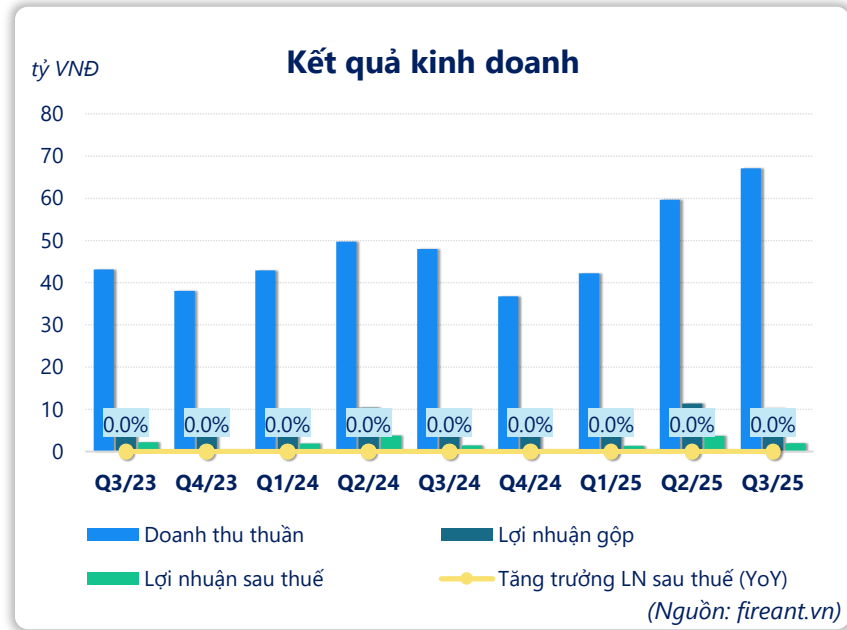


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		37,300
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		41,800
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		32,000
SL cổ phiếu LH		4,267,683
KLGD BQ 20 phiên (CP)		385
% sở hữu nước ngoài		15.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		159
P/E		22.0
EPS		1,693

	YTD	1T	3T	6T
MAS	-0.5%	0.8%	-1.8%	-4.1%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	103	71.9	43.1%
Tài sản ngắn hạn	68.7	33.8	103%
Tiền và tương đương tiền	14.2	16.8	-15.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	15.0	0	
Phải thu ngắn hạn	32.0	9.05	254%
Hàng tồn kho	5.46	4.97	9.8%
Tài sản ngắn hạn khác	2.05	3.07	-33.2%
Tài sản dài hạn	34.2	38.1	-10.1%
Phải thu dài hạn	0.03	0.11	-70.0%
Tài sản cố định	30.7	34.7	-11.6%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.31	0.02	1443%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	3.20	3.21	-0.1%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	62.4	37.5	66.5%
Nợ ngắn hạn	56.7	31.6	79.4%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0.84	1.04	-19.6%
Phải trả người bán ngắn hạn	11.2	9.58	17.4%
Nợ dài hạn	5.72	5.89	-2.8%
Vay và nợ thuê dài hạn	2.08	2.25	-7.3%
Nguồn vốn chủ sở hữu	40.5	34.4	17.6%
Vốn chủ sở hữu	40.5	34.4	17.6%
Vốn điều lệ	42.7	42.7	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	48.0	36.8	42.2	59.6	67.1
Giá vốn hàng bán	39.4	31.7	34.8	48.3	56.9
Lợi nhuận gộp	8.54	5.10	7.37	11.4	10.2
Doanh thu HĐTC	0.01	0.08	0.00	0.19	0.07
Chi phí TC	0.26	0.30	0.06	0.25	0.13
Chi phí lãi vay	0.07	0.05	0.06	0.06	0.06
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	2.07	1.45	1.80	1.98	2.56
Chi phí QLDN	4.77	3.35	4.06	5.17	5.30
LN thuần từ HĐKD	1.45	0.08	1.45	4.14	2.28
Lợi nhuận khác	0.00	0.07	-0.10	-0.15	-0.22
LN trước thuế	1.46	0.15	1.34	4.00	2.06
Lợi nhuận sau thuế	1.46	0.15	1.34	3.75	1.98
LNST của CĐ cty mẹ	1.46	0.15	1.34	3.75	1.98

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	9.23	-3.09	-8.70	15.3	7.01
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-1.35	5.06	-2.12	-4.13	-9.66
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-9.15	1.86	0.71	-0.90	-0.18
Tiền đầu kỳ	14.2	12.9	16.8	6.65	17.0
Lưu chuyển tiền thuần	-1.27	3.82	-10.1	10.3	-2.83
Ảnh hưởng tỷ giá	0	-0.01	0	0.06	0
Tiền cuối kỳ	12.9	16.8	6.65	17.0	14.2

(Nguồn: fireant.vn)